

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 3 - 2024

V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thành

Bà Đỗ Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:** Bà Vũ Thị Kim Dung
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐPT ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Kim Thị Nh, sinh năm 1972. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đá Ch, xã Bãi Th, thành phố Ph, tỉnh K. Chỗ ở hiện nay: Số nhà xxx, phố Lê Đại Hành, tổ 11, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1972. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Số nhà xxx, đường Hoàng Hoa Thám, tổ 09, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thái H - Bị đơn.

(Anh H, chị Nh đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Kim Thị Nh trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Chị và anh Nguyễn Thái H là bạn với nhau. Ngày 06/01/2020 anh H có gọi điện vay chị Nh số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng anh H sẽ trả đầy đủ, chị Nh đã chuyển vào tài khoản của anh H cho anh H vay 200.000.000 đồng. Khi hết thời hạn 02 tháng chị Nh yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H không trả, chị Nh phải đến nhà anh H đòi, đồng thời gọi điện, nhắn tin cho anh H rất nhiều lần.

Từ sau khi vay đến nay anh H đã trả dần cho chị Nh làm nhiều lần, cụ thể: Ngày 12/11/2020 anh H trả 3.000.000 đồng tiền mặt. Ngày 16/01/2021 anh H trả 10.000.000 đồng chuyển khoản. Ngày 26/01/2021 anh H trả 20.000.000 đồng chuyển khoản. Ngày 02/02/2021 anh H trả 4.800.000 đồng chuyển khoản. Ngày 10/3/2021 anh H trả 20.000.000 đồng chuyển khoản. Ngày 04/11/2021 anh H trả 9.000.000 đồng tiền mặt (trả chị 5.000.000 đồng, trả chị gái chị 4.000.000 đồng) anh H làm tròn thành 10.000.000 đồng chị cũng chấp nhận là 10.000.000 đồng. Tết Nguyên Đán năm 2023 anh H trả 10.000.000 đồng qua mẹ đẻ chị. Tổng số tiền anh H trả qua các lần là 77.800.000 đồng, ngoài ra chị mua của anh H 02 máy lọc không khí, trị giá mỗi máy 4.000.000 đồng, 02 máy là 8.000.000 đồng, số tiền này chị đối trừ vào khoản anh H nợ chị, như vậy số tiền anh H đã trả cho chị là 85.800.000 đồng. Đối với các lần trả qua chuyển khoản vào anh H đều chuyển vào số tài khoản 19032103119014 của chị tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam sau đó nhắn tin thông báo cho chị, hiện tại chị còn lưu các tin nhắn giữa chị và anh H, còn những lần trả bằng tiền mặt chị đều ghi chép lại.

Anh H khai là đã 04 lần trả cho chị mỗi lần 10.000.000 đồng, trong đó có 01 lần chuyển khoản, 03 lần trả tiền mặt, tuy nhiên chị khẳng định chị chỉ nhận 03 lần anh H trả, mỗi lần 10.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản một lần vào ngày 16/01/2021, còn hai lần khác trả bằng tiền mặt, 01 lần trả 9.000.000 đồng nhưng anh H làm tròn thành 10.000.000 đồng chị cũng chấp nhận, một lần mẹ đẻ chị nhận thay 10.000.000 đồng. Ngoài ra không còn lần nào khác anh H trả chị 10.000.000 đồng tiền mặt như anh H đã khai. Về số tiền anh H khai trả ngày 02/02/2021 là 5.000.000 đồng nhưng thực tế anh H trả chị 4.800.000 đồng, việc này thể hiện tại hoá đơn chuyển khoản chị đã giao nộp cho Tòa án nên chị chỉ chấp nhận là anh H trả 4.800.000 đồng.

Ngày 28/12/2022 chị Nguyễn Thị Lan P (vợ anh H) có gửi cho chị 01 giấy vay tiền đề ngày 28/12/2022 do anh H viết với nội dung anh H đã trả cho chị 86.000.000 đồng (đến thời điểm ngày 28/12/2022), số tiền còn nợ chị là 114.000.000 đồng. Chị không đồng ý với nội dung giấy vay tiền này vì số tiền anh

H trả chị ghi trong giấy vay tiền không đúng, chị đã đến nhà đã trao đổi với anh H số tiền anh trả cho chị không khớp, anh H cũng đồng ý kiểm tra lại nhưng sau đó cũng không thông báo lại cho chị.

Đến thời điểm hiện tại anh H đã trả cho chị tổng cộng là 85.800.000 đồng tiền gốc, anh H còn nợ chị 114.200.000 đồng tiền gốc. Do đó chị đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả lại cho chị 114.200.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi kể từ khi chị làm đơn khởi kiện (ngày 01/02/2023) cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất là 10%/năm. Chị Nh tạm tính từ ngày làm đơn khởi kiện (ngày 01/02/2023) đến ngày Tòa án hòa giải, ngày 23/6/2023 là 143 ngày, số tiền lãi là: 4.474.000 đồng (đã làm tròn).

** Bị đơn, anh Nguyễn Thái H trình bày:* Anh và chị Nh là bạn bè từ khi còn nhỏ. Cuối năm 2021, anh có hỏi vay của chị Nh 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Chị Nh đồng ý và đã chuyển khoản số tiền trên vào số tài khoản 0211000449765 của anh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Thời điểm vay, do bạn bè giúp đỡ nhau nên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Sau đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên anh chưa trả được toàn bộ số tiền vay cho chị Nh mà trả dần 07 lần tổng số tiền 96.000.000 đồng, gồm: Lần thứ 1 trả 20.000.000 đồng tiền mặt, lần thứ 2 trả 10.000.000 đồng tiền mặt, lần 3 thứ trả 10.000.000 đồng qua tài khoản của chị Nh, lần thứ 4 trả 5.000.000 đồng qua tài khoản của chị Nh + 3.000.000 đồng tiền mặt và chị Nh lấy 02 máy lọc không khí ở cửa hàng anh H giá trị 8.000.000 đồng/02 máy, lần thứ 5 trả 20.000.000 đồng qua tài khoản của chị Nh, lần thứ 6 trả 10.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi trả tiền cho chị Nh lần thứ 6, anh đã lập bảng kê gửi cho chị Nh qua tin nhắn Zalo và viết 01 giấy nhận nợ với nội dung còn nợ chị Nh 114.000.000 đồng giao trực tiếp cho chị Nh, chị Nh không có ý kiến gì. Về thời gian 06 lần đầu trả tiền cho chị Nh nêu trên, anh không nhớ chính xác do thời gian đã lâu. Lần thứ 7 anh trả tiền vào ngày 30 Tết năm 2023 (ngày 21/01/2023), do anh đến nhà nhưng không gặp chị Nh nên anh đã gửi mẹ để chị Nh 10.000.000 đồng để trả nợ cho chị Nh, anh có thông báo lại cho chị Nh biết. Như vậy anh đã trả cho chị Nh tổng số 96.000.000 đồng, anh chỉ còn nợ chị Nh 104.000.000 đồng, số tiền này anh sẽ thu xếp trả chị Nh trong thời gian sớm nhất theo điều kiện của anh vì hiện tại việc kinh doanh của anh gặp khó khăn. Anh không đồng ý với yêu cầu của chị Nh đòi nợ số tiền cả gốc lãi là 130.000.000 đồng.

** Tại Đơn xác nhận tài sản riêng của vợ chồng, anh Đoàn Duy V trình bày:* Vợ anh là chị Kim Thị Nh đang làm đơn khởi kiện anh Nguyễn Thái H đòi khoản tiền 200.000.000 đồng chị Nh cho anh H vay, khoản tiền này là tài sản riêng của chị Nh, không liên quan đến anh V.

Bản án dân sự số: 16/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 về việc “Kiện đòi tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Nh. Buộc anh Nguyễn Thái H phải trả chị Kim Thị Nh số tiền nợ gốc là 114.200.000 đồng, số tiền nợ lãi là 6.601.698 đồng. Tổng số tiền phải trả là 120.801.698 đồng (*Một trăm hai mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình nhận được đơn kháng cáo của anh H đề ngày 13/9/2023, yêu cầu xem lại số tiền gốc anh đã trả cho chị Nh, công nhận Giấy vay tiền ngày 28/12/2022 do anh H lập; Xem xét về hành vi chửi bới, bôi nhọ và làm nhục, đe dọa gia đình anh của chị Nh vào ngày 22/01/2023, yêu cầu chị Nh xin lỗi và bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự và kinh tế của gia đình anh; Yêu cầu không tính lãi của số tiền anh chưa trả do khi vay giữa anh và chị Nh không thoả thuận về lãi và không quy định thời gian trả nợ. Anh không chấp nhận nộp án phí.

Toà án cấp sơ thẩm đã thông báo cho anh H nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, anh H không nộp trong hạn luật định, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Thái H giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị Kim Thị Nh đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

***Phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thái H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Nguyễn Thái H làm trong hạn luật định tuy không nộp tạm ứng án phí đúng hạn nhưng có lý do chính đáng được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận nên được xem xét.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nh đòi khoản tiền cho anh H vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản là đúng.

[2.2] Về giao dịch cho vay: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng, nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền cho vay vào tài khoản cá nhân của bị đơn là anh Nguyễn Thái H, anh H xác nhận đã nhận đủ số tiền trên. Khi cho vay hai bên không thoả thuận về lãi suất do vậy việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là có thật và không phải chứng minh, cấp sơ thẩm xác định anh H vay chị Nh 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về nghĩa vụ trả tiền: Bên vay tiền là anh H có nghĩa vụ trả đủ tiền cho chị Nh khi đến hạn, do hai bên không thoả thuận thời hạn trả nợ nên việc trả tiền thực hiện khi bên cho vay có yêu cầu. Chị Nh đã nhiều lần yêu cầu anh H trả nợ nhưng anh H không trả đủ số tiền vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, Toà án cấp sơ thẩm buộc anh H phải trả tiền cho chị Nh là đúng pháp luật.

[2.4] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thái H về tiền nợ gốc phải trả thấy: Chị Kim Thị Nh xác định anh H mới trả được 85.800.000 đồng thể hiện qua 04 lần chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị là 54.800.00 đồng gồm ngày 10/3/2021 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 18/01/2021 số tiền 10.000.000 đồng; ngày 26/01/2021 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 02/02/2021 số tiền 4.800.000 đồng, số tiền anh H trả trực tiếp cho chị Nh tổng là 23.000.000 đồng, cụ thể ngày 12/11/2020 trả 3.000.000 đồng, ngày 04/11/2021 trả 9.000.000 đồng tiền mặt làm tròn thành 10.000.000 đồng, Tết Nguyên Đán năm 2023 trả 10.000.000 đồng và số tiền 8.000.000 đồng chị Nh mua 02 máy lọc không khí của anh H. Như vậy chỉ có căn cứ tính tổng các khoản anh H đã trả chị Nh là 85.800.000 đồng, anh H còn nợ chị Nh 114.200.000 đồng. Anh H cho rằng đã trả cho chị Nh số tiền 96.000.000 đồng, chỉ còn nợ 104.000.000 đồng do anh đã viết Giấy vay tiền ngày 28/12/2022 gửi chị Nh. Tuy nhiên Giấy vay tiền là do anh H tự lập, không có chữ ký xác nhận của chị Nh, chị Nh không công nhận số tiền còn nợ lại của anh H như trong giấy đã ghi, bản thân chị Nh trình bày đã trao đổi với anh H về việc số tiền ghi trong giấy không khớp nhưng không nhận được phản hồi của anh H, giữa hai bên không có ký nhận hay có tài liệu khác xác định về số tiền còn nợ lại của anh H, các lần chuyển tiền được Ngân hàng sao kê là 04 lần, số lần trả không qua ngân hàng được chị Nh thừa nhận là 03 lần và 01 lần đối trừ tiền hàng chị Nh mua của anh H, ngoài ra không có bất cứ tài liệu nào chứng minh cho việc anh H đã trả chị Nh một khoản

nào khác nữa, do vậy không có căn cứ xác định số tiền anh H đã trả chị Nh là 96.000.000 đồng như anh H trình bày.

[2.5] Xét kháng cáo của anh H về tiền lãi phải trả: Mặc dù các bên không thoả thuận về thời gian vay và lãi suất vay nhưng kể từ thời điểm chị Nh khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh H trả nợ, anh H không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ của người vay, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nh nên bị coi là chậm trả, do đó anh H phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thời gian chậm trả kể từ thời điểm chị Nh khởi kiện là ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 211 ngày, đúng như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định.

[2.6] Về việc anh H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận việc anh phải nộp án phí sơ thẩm thấy: Yêu cầu khởi kiện của chị Nh được Toà án chấp nhận, anh H là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí của người có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.7] Về nội dung kháng cáo xem xét hành vi chửi bới, bôi nhọ và làm nhục, đe dọa gia đình anh H của chị Nh vào ngày 22/01/2023, yêu cầu chị Nh xin lỗi và bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự và kinh tế của gia đình anh, đây là quan hệ pháp luật khác không thuộc phạm vi mà án sơ thẩm giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, anh H không bổ sung được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thái H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 về việc “Kiện đòi tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Nh. Buộc anh Nguyễn Thái H phải trả chị Kim Thị Nh số tiền nợ gốc là 114.200.000 đồng, số tiền nợ lãi là 6.601.698 đồng. Tổng số tiền phải trả là 120.801.698 đồng (*Một trăm hai mươi triệu tám trăm linh một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thái H phải chịu 6.040.084 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Kim Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.200.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001428 ngày 09/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thái H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001050 ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình sang thi hành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29 tháng 3 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thành

Đỗ Thị Hà

Nguyễn Thị Thu Hiền